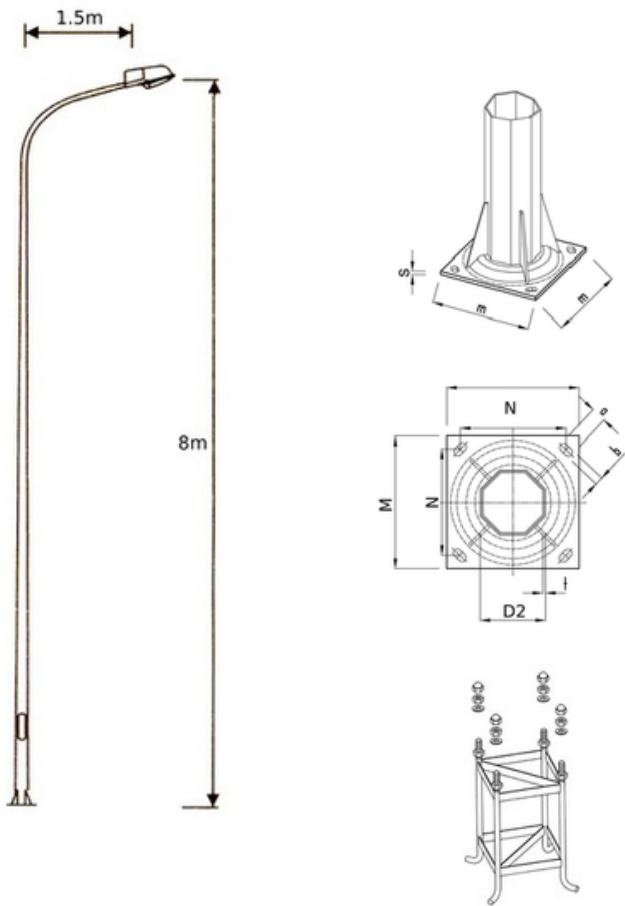


CỘT ĐÈN BÁT GIÁC LIỀN CẦN 8M



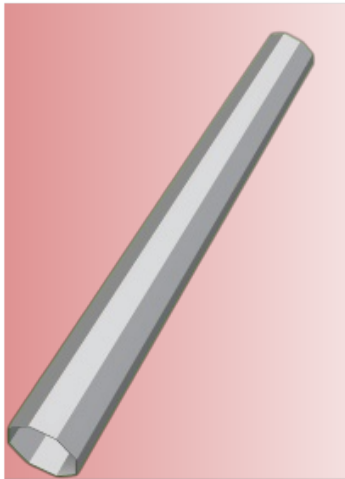
YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Cột được tính toán thiết kế chịu được tốc độ gió đến 45 m/s (tương đương vùng áp lực gió 125 daN/m<sup>2</sup>). Hệ số hình dạng địa hình và các hệ số thống kê khác bằng 1.
- Thiết kế và chế tạo phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn BS 5649, TR7.
- Vật liệu sử dụng cho cột đèn phù hợp với tiêu chuẩn JIS 3101, JIS 3106.
- Hàn cột trong môi trường khí bảo vệ CO<sub>2</sub>, phù hợp với tiêu chuẩn BS 5135, AWS D1.1
- Mạ nhúng kẽm nóng phù hợp tiêu chuẩn BS 729, ASTM A123. Chiều dày lớp mạ tối thiểu để đáp ứng kỹ thuật là 65 um (450g/m<sup>2</sup>).

PHẠM VI SỬ DỤNG

- Chiều sáng đường phố, đường ngõ xóm, đường nội bộ khu đô thị, khu công nghiệp, đường bãi biển, khuôn viên, công viên,...

Thông số kỹ thuật



| H (m) | W (m) | T (mm) | D1 (mm) | D2 (mm) | PxQ (mm) | F (daN) | N (mm) | M (mm) | J (mm)  | HmxC (m) |
|-------|-------|--------|---------|---------|----------|---------|--------|--------|---------|----------|
| 8     | 1.5   | 3.5    | 56      | 175     | 85x350   | 72      | 300    | 400/10 | M16x600 | 1.0x0.8  |
|       |       |        |         |         |          |         |        |        |         |          |

Ký Hiệu

- H: Chiều cao cột tính từ mặt bích  
W: Độ vương cần đèn tính từ tâm cột  
D1: Kích thước ngoài tại đầu cột  
D2: Kích thước ngoài tại mặt bích chân cột  
T: Chiều dày thân cột  
P: Chiều rộng cửa cột  
Q: Chiều cao cửa cột

- F: Lực ngang đầu cột tính toán cho phép  
J: Bu-lông móng  
N: Khoảng cách tâm bu lông móng cột  
M: Kích thước bích đế cột  
Hm: Chiều sâu của khối bê tông móng  
C: Cạnh của khối bê tông móng

\*Ghi chú: Thông số trên catalogue mang tính chất tham khảo. Tùy vào bản vẽ kỹ thuật của khách hàng mà có sự thay đổi phù hợp.